

Số: 13/1 /CBTT-TMD

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 8 năm 2015

V/v Công bố BCTC bán niên soát xét năm 2015

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội**

1. Tên công ty: **Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.**
2. Mã chứng khoán: **MDC**
3. Trụ sở chính: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
4. Điện thoại: 033.3868.271; 033.3868.272; Fax: 033.3868.276.
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Trịnh Thị Nguyệt Hằng.**
6. Nội dung công bố thông tin:
 - Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2015 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin được lập ngày 10/8/2015.
7. Địa chỉ Website đăng tải Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2015 của Công ty cổ phần than Mông Dương Vinacomin: **Mongduongcoal.com**

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VPHĐQT.

**UQ. GIÁM ĐỐC
NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



Trịnh Thị Nguyệt Hằng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015
và kết thúc vào ngày 30/06/2015

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 43



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin (trước đây là Công ty Cổ phần Than Mông Dương - TKV) là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2222/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2203001196 ngày 02/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 2203001196 ngày 02/01/2008, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 5700101203 ngày 30/03/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần thay đổi lần 6 ngày 30/03/2015, vốn điều lệ của Công ty là 150.839.520.000 VND được chia thành 15.083.952 cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập nắm giữ 6.531.140 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	6.528.547
2	Ông Nguyễn Văn Thành	1.967
3	Ông Vũ Tiến Quang	626

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- Ông Doãn Văn Quang	Chủ tịch HĐQT (đến hết ngày 09/03/2015) (i)
- Ông Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch HĐQT (kể từ ngày 10/03/2015 đến ngày 06/07/2015) (ii)
- Ông Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch HĐQT (kể từ ngày 06/07/2015) (iii)
- Ông Bùi Văn Kiểm	Ủy viên
- Ông Vũ Tiến Quang	Ủy viên
- Bà Phạm Thị Hải	Ủy viên
- Ông Vadym D'omin	Ủy viên

(i) Theo quyết định số 319/QĐ-TKV ngày 04/03/2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 09/03/2015.

(ii) Theo quyết định số 319/QĐ-TKV ngày 04/03/2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 09/03/2015.

(iii) Theo quyết định số 1274/QĐ-TKV ngày 30/06/2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 30/NQ-HĐQT ngày 06/07/2015

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
- Ông Khuất Mạnh Thắng	Giám đốc (đến hết ngày 09/03/2015)	(iv)
- Ông Bùi Quốc Tuấn	Giám đốc (kể từ ngày 10/03/2015 đến ngày 31/07/2015)	(v)
- Ông Nguyễn Trọng Tốt	Giám đốc (kể từ ngày 31/07/2015)	(vi)
- Ông Vũ Tiến Quang	Phó Giám đốc	
- Ông Tạ Văn Bền	Phó Giám đốc	
- Ông Bùi Văn Kiểm	Phó Giám đốc	
- Ông Hòa Quang Trung	Phó Giám đốc	
- Ông Hoàng Trọng Hiệp	Phó Giám đốc	

(iv) Theo Quyết định số 319/QĐ-TKV ngày 04/03/2015

(v) Theo Quyết định số 368/QĐ-TMD ngày 10/03/2015

(vi) Theo Quyết định số 1568/QĐ-TMD ngày 31/07/2015

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Tất Lã	Trưởng ban
- Ông Ngô Quốc Tuấn	Ủy viên
- Ông Nguyễn Thế Hanh	Ủy viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Hoạt động chính

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015, hoạt động chính của Công ty là: Khai thác, chế biến, kinh doanh than; Xây dựng các công trình mỏ. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin xin được công bố các sự kiện quan trọng phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày lập báo cáo này như đã được trình bày tại Thuyết minh số 7, chi tiết 7.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty đính kèm.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015



Vũ Tiến Quang

0448995
CÔNG
HÁCH NHIỆM
KIỂM T
FC VI
CHI NH
HÀ N
NH XUÂN

Số: 02/2016/BCSX-AFCHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được lập ngày 10 tháng 08 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập vào trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0576-2013-009-1

Trần Đình Dũng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1788-2013-009-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mong Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.591.462.273	175.486.323.805
Tiền và tương đương tiền	110		2.746.263.393	2.504.773.147
Tiền	111	5.1	2.746.263.393	2.504.773.147
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.822.434.386	129.637.216.883
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	106.930.520.131	90.768.503.643
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.175.471.654	9.072.363.088
Các khoản phải thu khác	136	5.4	27.716.442.601	29.796.350.152
Hàng tồn kho	140	5.5	50.426.037.504	34.114.885.887
Hàng tồn kho	141		50.426.037.504	34.114.885.887
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.596.726.990	9.229.447.888
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	3.447.674.856	5.494.189.874
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	153		149.052.134	3.735.258.014
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		779.728.941.664	766.528.274.221
Các khoản phải thu dài hạn	210		16.487.053.620	14.311.636.728
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	16.487.053.620	14.311.636.728
Tài sản cố định	220		642.027.811.443	692.278.987.289
TSCĐ hữu hình	221	5.7	642.027.811.443	692.278.987.289
- Nguyên giá	222		1.511.347.456.413	1.491.853.867.619
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(869.319.644.970)	(799.574.880.330)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		26.259.868.163	22.975.064.255
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	26.259.868.163	22.975.064.255
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	16.264.140.122	21.799.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.799.000.000	21.799.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(5.534.859.878)	-
Tài sản dài hạn khác	260		78.690.068.316	15.163.585.949
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	78.690.068.316	15.163.585.949
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		982.320.403.937	942.014.598.026

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
NỢ PHẢI TRẢ	300		779.552.612.656	721.677.019.427
Nợ ngắn hạn	310		498.240.201.261	432.143.373.600
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	67.553.385.783	79.671.837.990
Người mua trả tiền trước	312		57.823.820	7.132.510
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	33.611.853.159	27.362.193.751
Phải trả người lao động	314		84.598.327.811	115.331.373.090
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	75.750.013.489	609.394.843
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		380.995.317	12.237.274.699
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	5.533.482.721	12.744.461.375
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	201.501.538.548	148.837.708.418
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		29.252.780.613	35.341.996.924
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		281.312.411.395	289.533.645.827
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	281.312.411.395	289.533.645.827
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		202.767.791.281	220.337.578.599
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	197.672.150.882	215.241.938.200
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.839.520.000	150.839.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.839.520.000	150.839.520.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.263.667.234	11.263.667.234
Quỹ đầu tư phát triển	418		53.138.750.966	53.138.750.966
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.569.787.318)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(17.569.787.318)	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.095.640.399	5.095.640.399
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		5.095.640.399	5.095.640.399
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		982.320.403.937	942.014.598.026

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Phạm Cẩm Hải

Phạm Thị Hải



KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Tiến Quang

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	857.128.836.320	797.733.147.042
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10		857.128.836.320	797.733.147.042
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.3	759.621.140.948	688.084.169.708
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97.507.695.372	109.648.977.334
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	90.944.395	126.837.533
Chi phí tài chính	22	6.5	27.227.976.040	28.977.623.266
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.693.116.162	28.977.623.266
Chi phí bán hàng	24	6.8	10.771.765.953	12.054.786.189
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	77.763.386.572	56.464.076.953
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.164.488.798)	12.279.328.459
Thu nhập khác	31	6.6	975.387.770	5.466.550.689
Chi phí khác	32	6.7	380.686.290	4.723.403.479
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		594.701.480	743.147.210
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(17.569.787.318)	13.022.475.669
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	2.792.782.007
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(17.569.787.318)	10.229.693.662
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(1.165)	678
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Cẩm Hải

Phạm Thị Hải

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015



KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Kiên Quang

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	23.376.495.737	152.029.524.386	143.457.809.098	31.948.211.025
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	4.988.435.420	85.686.849.957	79.531.734.462	11.143.550.915
Thuế GTGT hàng NK	12	-	-	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	5.850.947.866	-	6.000.000.000	(149.052.134)
Thuế Tài nguyên	16	16.269.610.465	58.265.148.687	54.120.148.730	20.414.610.422
Thuế Tài nguyên sản xuất than		16.269.610.465	58.265.148.687	54.120.148.730	20.414.610.422
Thuế Tài nguyên nước lợc		-	-	-	-
Thuế Tài nguyên nước mặt		-	-	-	-
Thuế Nhà đất	17	-	-	-	-
Tiền thuê đất	18	(791.524.159)	2.292.066.202	1.500.542.043	-
Thuế bảo vệ môi trường		2.760.000	11.740.000	12.260.000	2.240.000
Các khoản thuế khác	19	(2.943.733.855)	5.773.719.540	2.293.123.863	536.861.822
Thuế môn bài		-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân		(2.943.733.855)	5.770.719.540	2.290.123.863	536.861.822
Các loại thuế khác		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	250.440.000	93.781.216.000	92.517.066.000	1.514.590.000
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	250.440.000	93.781.216.000	92.517.066.000	1.514.590.000
Các khoản khác	33	-	-	-	-
Thu điều tiết		-	-	-	-
Các khoản nộp phạt		-	-	-	-
Nộp khác		-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	23.626.935.737	245.810.740.386	235.974.875.098	33.462.801.025

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

KT GIÁM ĐỐC
HỒ GIÁM ĐỐC



Phạm Cẩm Hải

Phạm Thị Hải

Từ Kiên Quang

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(17.569.787.318)	13.022.475.669
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	69.744.764.640	69.051.152.442
Các khoản dự phòng	03	5.534.859.878	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(90.944.395)	(142.298.417)
Chi phí lãi vay	06	21.693.116.162	28.977.623.266
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79.312.008.967	110.908.952.960
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(16.801.305.395)	38.098.220.097
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(16.311.151.617)	809.194.531
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	58.744.238.559	29.913.979.642
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(61.479.967.349)	201.825.962
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.290.852.366)	(28.909.346.389)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.000.000.000)	(6.874.647.819)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	800.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.103.116.578)	(1.099.874.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.069.854.221	143.049.104.000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(39.499.500.208)	(21.840.769.783)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	2.400.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	90.944.395	126.837.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.408.555.813)	(19.313.932.250)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	284.248.025.938	169.868.832.916
Tiền trả nợ gốc vay	34	(239.805.430.240)	(284.521.140.888)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.862.403.860)	(8.082.649.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.580.191.838	(122.734.957.232)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	241.490.246	1.000.214.518
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.504.773.147	2.046.021.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.746.263.393	3.046.236.217

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Cẩm Hải

Phạm Thị Hải

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THAN
MÔNG DƯƠNG
VINACOMIN

Vũ Tiến Quang

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin (trước đây là Công ty Cổ phần Than Mông Dương - TKV) là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2222/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2203001196 ngày 02/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 2203001196 ngày 02/01/2008, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 5700101203 ngày 30/03/2015.

Theo đó ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây lắp công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và gom than bùn;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2015, không có sự kiện nào phát sinh làm ảnh hưởng đến các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Công ty có trụ sở tại: phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.839.520.000 đồng.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông sáng lập đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Cổ đông sáng lập	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	54,02% vốn điều lệ
- Ông Nguyễn Văn Thành	0,02% vốn điều lệ
- Ông Vũ Tiến Quang	0,01% vốn điều lệ

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (Quyết định 15), và có hiệu lực từ năm tài chính 2015.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung các thuyết minh thông tin trên báo cáo tài chính đối với một số chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh 7.3 của báo cáo tài chính.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Giá trị nguyên vật liệu	Giá đích danh
- Thành phẩm tồn kho và chi phí SXKD dở dang than	Giá trị được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
- Chi phí SXKD dở dang khác	Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng phải trả về sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ và Phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho Nhà nước theo sản lượng khai thác đã thực hiện trong kỳ.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

4.13 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5700101203 điều chỉnh lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày ngày 30 tháng 03 năm 2015, và cho đến ngày kết thúc kỳ tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	81.491.930.000	81.491.930.000	100%
Các cổ đông khác	69.347.590.000	69.347.590.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh than, giá vốn cung cấp dịch vụ và khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm giá vốn. Trong đó, giá vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh than được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

4.16 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Than bán nội địa, cước vận chuyển và các dịch vụ khác: 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 22%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền

		30/06/2015	01/01/2015
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	187.805.754	71.691.541
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	2.558.457.639	2.433.081.606
Cộng		2.746.263.393	2.504.773.147

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2015 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		187.805.754
Đồng ngoại tệ		-
Cộng		187.805.754

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2015 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		2.558.457.639
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>		<i>507.155.430</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>		<i>85.474.794</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN</i>		<i>1.039.651.201</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>		<i>859.118.967</i>
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu PGBank</i>		<i>31.576.512</i>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam</i>		<i>15.776.305</i>
<i>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN</i>		<i>1.806.015</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội VN</i>		<i>680.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>		<i>17.218.415</i>
Cộng		2.558.457.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2015 (VND)			01/01/2015 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	21.799.000.000	16.264.140.122	(5.534.859.878)	21.799.000.000	21.799.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	21.799.000.000	16.264.140.122	(5.534.859.878)	21.799.000.000	21.799.000.000	-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.3. Phải thu khách hàng

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	106.930.520.131	90.768.503.643
Công ty tuyển than Cửa Ông - TKV	91.193.792.451	83.760.909.932
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	15.473.176.009	3.598.945.726
Các khoản phải thu khách hàng khác	263.551.671	3.408.647.985
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	106.930.520.131	90.768.503.643

5.4. Phải thu khác

	30/06/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	27.716.442.601	-	29.796.350.152	-
Tiền đất tái định cư	13.907.720.000	-	13.907.720.000	-
Tiền trợ cấp cho công nhân nghỉ hưu trước tuổi	-	-	2.345.000.000	-
Quỹ tương trợ rủi ro Công ty	935.798.000	-	935.798.000	-
Tiền GPMB phải thu Công ty Cổ phần than Cọc Sáu	10.088.542.118	-	10.088.542.118	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	90.374.976	-	90.374.976	-
Tiền lương ốm của CBCNV	901.933.920	-	1.574.742.600	-
Tiền thuốc khám chữa bệnh	708.334.254	-	277.569.777	-
Tiền GPMB Công ty Cảng - Tổng công ty Đông Bắc	-	-	316.941.596	-
Phải thu khác	1.083.739.333	-	259.661.085	-
b. Dài hạn	16.487.053.620	-	14.311.636.728	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	9.021.291.328	-	6.845.874.436	-
Ứng vốn trồng rừng	7.465.762.292	-	7.465.762.292	-
Cộng	44.203.496.221	-	44.107.986.880	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.5. Hàng tồn kho

	30/06/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	16.829.140.539	-	10.062.840.885	-
Công cụ, dụng cụ	8.615.000	-	28.105.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.814.867.751	-	20.944.980.023	-
Thành phẩm	9.773.414.214	-	3.078.959.979	-
Hàng hoá	-	-	-	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	50.426.037.504	-	34.114.885.887	-

5.6. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	26.259.868.163	-	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	26.036.767.197	-	22.975.064.255	-
Dự án khai thác xuống sâu giai đoạn 2	769.894.869	-	1.761.873.663	-
Dự án khu tái định cư	2.504.929.850	-	2.504.929.850	-
Dự án công trình nhà ở công nhân	22.331.122.597	-	18.277.440.861	-
Các dự án khác	430.819.881	-	430.819.881	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	223.100.966	-	-	-
Cộng	26.259.868.163	-	22.975.064.255	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	914.223.221.298	308.513.504.960	225.221.580.108	43.895.561.253	-	1.491.853.867.619
- Mua trong kỳ	-	15.240.694.390	-	-	-	15.240.694.390
- Đầu tư XD CB hoàn thành	4.162.534.404	-	-	-	-	4.162.534.404
- Tăng khác	-	68.490.232	20.506.769	1.362.999	-	90.360.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	918.385.755.702	323.822.689.582	225.242.086.877	43.896.924.252	-	1.511.347.456.413
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	514.834.009.539	156.143.425.253	102.091.862.333	26.505.583.205	-	799.574.880.330
- Khấu hao trong kỳ	44.945.867.462	12.583.644.981	9.859.448.319	2.355.803.878	-	69.744.764.640
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	559.779.877.001	168.727.070.234	111.951.310.652	28.861.387.083	-	869.319.644.970
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	399.389.211.758	152.370.079.716	123.129.717.767	17.389.978.048	-	692.278.987.289
Tại ngày cuối kỳ	358.605.878.701	155.095.619.348	113.290.776.225	15.035.537.169	-	642.027.811.443
- Thẻ chấp, cầm cố						588.830.050.838
- Đã KH hết, đang sử dụng						413.535.762.579
- Chờ thanh lý						-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.8. Chi phí trả trước

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
a. Ngắn hạn	3.447.674.856	5.494.189.874
Chi phí công cụ, dụng cụ	421.708.997	582.277.430
Chi phí mua bảo hiểm	348.849.064	412.289.150
Chi phí sửa chữa	2.677.116.795	4.499.623.294
b. Dài hạn	78.690.068.316	15.163.585.949
Chi phí SCL tài sản cố định	9.348.779.206	13.005.597.272
GTCL của TSCĐ không đủ tiêu chuẩn	-	211.148.123
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	69.341.289.110	1.946.840.554
Các khoản khác	-	-
Cộng	82.137.743.172	20.657.775.823



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.9. Vay và nợ tài chính ngắn hạn

	01/01/2015 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2015 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	148.837.708.418	148.837.708.418	292.469.260.370	239.805.430.240	201.501.538.548	201.501.538.548
<i>Các khoản vay ngắn hạn</i>	-	-	<i>220.271.869.938</i>	<i>153.230.208.138</i>	<i>67.041.661.800</i>	<i>67.041.661.800</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	24.259.492.118	24.259.492.118	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	-	-	24.977.140.000	24.977.140.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	147.318.342.381	83.993.576.020	63.324.766.361	63.324.766.361
Ngân hàng TMCP Ngoại thương QN	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	3.716.895.439	-	3.716.895.439	3.716.895.439
<i>Các khoản vay dài hạn đến hạn thanh toán</i>	<i>148.837.708.418</i>	<i>148.837.708.418</i>	<i>72.197.390.432</i>	<i>86.575.222.102</i>	<i>134.459.876.748</i>	<i>134.459.876.748</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương QN	36.248.800.000	36.248.800.000	10.791.200.000	15.680.000.000	31.360.000.000	31.360.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	72.006.384.778	72.006.384.778	41.701.073.108	49.231.304.778	64.476.153.108	64.476.153.108
Ngân hàng TMCP Hàng Hải QN	7.180.000.000	7.180.000.000	-	3.590.000.000	3.590.000.000	3.590.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế	12.704.000.000	12.704.000.000	6.352.000.000	6.352.000.000	12.704.000.000	12.704.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	15.809.723.640	15.809.723.640	10.353.117.324	8.721.917.324	17.440.923.640	17.440.923.640
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.888.800.000	4.888.800.000	3.000.000.000	3.000.000.000	4.888.800.000	4.888.800.000
b. Vay dài hạn	289.533.645.827	289.533.645.827	63.976.156.000	72.197.390.432	281.312.411.395	281.312.411.395
Ngân hàng TMCP Ngoại thương QN	102.551.200.000	102.551.200.000	-	10.791.200.000	91.760.000.000	91.760.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	124.688.373.971	124.688.373.971	63.976.156.000	41.701.073.108	146.963.456.863	146.963.456.863

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mong Duong, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

	01/01/2015 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2015 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Hàng Hải QN	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế	15.872.000.000	15.872.000.000		6.352.000.000		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	41.533.271.856	41.533.271.856	-	10.353.117.324	31.180.154.532	31.180.154.532
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.888.800.000	4.888.800.000	-	3.000.000.000	1.888.800.000	1.888.800.000
Cộng	438.371.354.245	438.371.354.245			482.813.949.943	482.813.949.943



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.10. Phải trả người bán

	30/06/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	67.553.385.783	67.553.385.783	79.671.837.990	79.671.837.990
Công ty CP ĐTTM và dịch vụ - Vinacomin	940.240.000	940.240.000	14.798.730.439	14.798.730.439
Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin	419.956.475	419.956.475	10.737.888.743	10.737.888.743
Công ty CP Vật tư - TKV	9.845.797.300	9.845.797.300	4.011.914.297	4.011.914.297
Công ty CP Chế tạo máy - Vinacomin	8.396.856.589	8.396.856.589	4.439.304.658	4.439.304.658
Phải trả cho các đối tượng khác	47.950.535.419	47.950.535.419	45.683.999.853	45.683.999.853
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	67.553.385.783	67.553.385.783	79.671.837.990	79.671.837.990

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mong Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2015 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.988.435.420	85.686.849.957	79.531.734.462	11.143.550.915
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.850.947.866	-	6.000.000.000	(149.052.134)
Thuế thu nhập cá nhân	(2.943.733.855)	5.770.719.540	2.290.123.863	536.861.822
Thuế tài nguyên	16.269.610.465	58.265.148.687	54.120.148.730	20.414.610.422
Thuế đất và tiền thuê đất	(791.524.159)	2.292.066.202	1.500.542.043	-
Các loại thuế khác	2.760.000	11.740.000	12.260.000	2.240.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	250.440.000	93.781.216.000	92.517.066.000	1.514.590.000
Cộng	23.626.935.737	245.810.740.386	235.974.875.098	33.462.801.025
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.12. Chi phí phải trả

	30/06/2015	01/01/2015
	(VND)	(VND)
a. Ngắn hạn	75.750.013.489	609.394.843
Trích trước chi phí lãi vay	11.658.639	609.394.843
Trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ	5.643.000.000	-
Chi phí mét lò huyệt hệ số	33.122.100.377	-
Chi phí đất đá huyệt hệ số	36.973.254.473	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	75.750.013.489	609.394.843

5.13. Phải trả khác

	30/06/2015	01/01/2015
	(VND)	(VND)
a. Ngắn hạn	5.533.482.721	12.744.461.375
Kinh phí công đoàn	883.484.219	9.767.361
Kinh phí Đảng	113.344.172	45.888.620
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	4.536.654.330	12.688.805.394
b. Dài hạn	-	-
Cộng	5.533.482.721	12.744.461.375

(i) Số dư chi tiết phải trả, phải nộp khác tại ngày 30/06/2015 bao gồm:

	30/06/2015
	(VND)
Bảo hiểm xã hội	102.362
Tiền thuế của những CN nghỉ hưu	410.008.494
Cổ tức phải trả	675.733.540
Quỹ tương trợ rủi ro	738.805.829
Tiền đất tái định cư	700.000.000
Phí bảo hiểm con người	175.268.000
Quỹ ủng hộ bão lụt	104.494.598
Tiền khám & chăm sóc sức khỏe	213.129.032
Các khoản tạm giữ	480.493.316
Phải trả phân xưởng đời sống	695.116.949
Phải trả khác	343.502.210
Cộng	4.536.654.330

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mong Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

5.14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ SH</i> VND	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i> VND	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i> VND	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i> VND	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Số dư đầu năm trước	150.839.520.000	11.263.667.234	32.526.266.350	14.022.062.883	-	208.651.516.467
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	40.068.814.845	40.068.814.845
Tăng khác	-	-	20.612.484.616	-	-	6.590.421.733
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(14.022.062.883)	(40.068.814.845)	(40.068.814.845)
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	150.839.520.000	11.263.667.234	53.138.750.966	-	-	215.241.938.200
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(17.569.787.318)	(17.569.787.318)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	150.839.520.000	11.263.667.234	53.138.750.966	-	(17.569.787.318)	197.672.150.882

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	81.491.930.000	81.491.930.000
Vốn góp của đối tượng khác	69.347.590.000	69.347.590.000
Cộng	150.839.520.000	150.839.520.000
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu		

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.839.520.000	150.839.520.000
Vốn góp đầu kỳ	150.839.520.000	150.839.520.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	150.839.520.000	150.839.520.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.083.952	15.083.952
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.083.952	15.083.952
Cổ phiếu phổ thông	15.083.952	15.083.952
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.083.952	15.083.952
Cổ phiếu phổ thông	15.083.952	15.083.952
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	53.138.750.966	53.138.750.966

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	857.128.836.320	797.733.147.042
Doanh thu bán hàng	856.737.540.998	795.284.406.743
Doanh thu cung cấp dịch vụ	391.295.322	2.448.740.299

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	759.312.492.646	685.934.904.793
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	308.648.302	2.149.264.915
Cộng	759.621.140.948	688.084.169.708

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.944.395	126.837.533
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	90.944.395	126.837.533

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Lãi tiền vay	21.693.116.162	28.977.623.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.534.859.878	-
Cộng	27.227.976.040	28.977.623.266

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.400.000.000
Nhượng vật tư, bán phế liệu thu hồi	336.616.700	627.327.822
Tiền phạt thu được	-	348.294.160
Thu nhập quà biếu, tặng	-	-
Các khoản khác	638.771.070	2.090.928.707
Cộng	975.387.770	5.466.550.689

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.384.539.116
Chi phí nhượng bán vật tư phế liệu	-	-
Các khoản bị phạt	-	199.360.660
Các khoản khác	380.686.290	2.139.503.703
Cộng	380.686.290	4.723.403.479

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

6.8 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	77.763.386.572	56.464.076.953
Chi phí nhân viên	29.022.880.146	17.097.761.351
Chi phí khác bằng tiền	43.736.287.166	34.800.651.469
Các khoản khác	5.004.219.260	4.565.664.133
b. Chi phí bán hàng	10.771.765.953	12.054.786.189
Chi phí nhân viên	5.494.343.729	5.521.205.942
Chi phí vật liệu	3.939.017.764	4.850.832.311
Các khoản khác	1.338.404.460	1.682.747.936
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	88.535.152.525	68.518.863.142

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
a. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	164.355.602.920	159.056.980.935
Chi phí nhân công	312.137.970.530	276.681.256.302
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.744.764.640	69.051.152.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.825.413.811	60.919.156.287
Chi phí khác bằng tiền	282.510.615.039	239.689.997.542
Cộng	883.574.366.940	805.398.543.508
b. Các khoản ghi giảm chi phí		
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản ghi giảm khác	-	-
Cộng	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	2.792.782.007
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDH của kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.792.782.007

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(17.569.787.318)	10.229.693.662
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.083.952	15.083.952
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.165)	678

6.12 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Khoản đầu tư của Công ty là đầu tư vào Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin đã được Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin cam kết mua lại theo giá gốc khoản đầu tư, do đó Công ty đánh giá không có rủi ro về sự giảm giá của khoản đầu tư này.

(ii) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

ghi số như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 30/06/2015			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.746.263.393	-	2.746.263.393
Phải thu khách hàng	118.105.991.785	-	118.105.991.785
Đầu tư	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Phải thu khác	27.743.202.601	16.487.053.620	44.230.256.221
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(5.534.859.878)	(5.534.859.878)
Tổng cộng	148.595.457.779	32.751.193.742	181.346.651.521
Các khoản vay và nợ	201.501.538.548	281.312.411.395	482.813.949.943
Phải trả người bán	67.611.209.603	-	67.611.209.603
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	223.484.334.852	-	223.484.334.852
Tổng cộng	492.597.083.003	281.312.411.395	773.909.494.398
Chênh lệch thanh khoản thuần	(344.001.625.224)	(248.561.217.653)	(592.562.842.877)

Ngày 01/01/2015

Giá trị ghi sổ:

Tiền và các khoản tương đương tiền	2.504.773.147	-	2.504.773.147
Phải thu khách hàng	90.768.503.643	-	90.768.503.643
Đầu tư	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Phải thu khác	29.796.350.152	7.465.762.292	37.262.112.444
Tài sản tài chính khác	12.807.621.102	6.845.874.436	19.653.495.538
<i>Trừ:</i>	-	-	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	135.877.248.044	36.110.636.728	171.987.884.772
Các khoản vay và nợ	-	438.371.354.245	438.371.354.245
Phải trả người bán	79.671.837.990	-	79.671.837.990
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	168.291.830.268	-	168.291.830.268
Tổng cộng	247.963.668.258	438.371.354.245	686.335.022.503
Chênh lệch thanh khoản thuần	(112.086.420.214)	(402.260.717.517)	(514.347.137.731)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	118.105.991.785	90.768.503.643	118.105.991.785	90.768.503.643
<i>Các khoản phải thu khác</i>	44.230.256.221	29.796.350.152	44.230.256.221	29.796.350.152
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	21.799.000.000	21.799.000.000	16.264.140.122	21.799.000.000
<i>Tiền và các khoản TĐT</i>	2.746.263.393	2.504.773.147	2.746.263.393	2.504.773.147
Tổng cộng	186.881.511.399	144.868.626.942	181.346.651.521	144.868.626.942

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính

<i>Vay và nợ</i>	482.813.949.943	438.371.354.245	482.813.949.943	438.371.354.245
<i>Phải trả người bán</i>	67.611.209.603	79.671.837.990	67.611.209.603	79.671.837.990
<i>Phải trả khác</i>	223.484.334.852	168.291.830.268	223.484.334.852	168.291.830.268
Tổng cộng	773.909.494.398	686.335.022.503	773.909.494.398	686.335.022.503

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2015 và ngày 01/01/2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

6.13 Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực sản xuất kinh doanh than và các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Kinh doanh Than VND	Hoạt động Khác VND	Tổng cộng VND
Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014			
Doanh thu	795.284.406.743	2.448.740.299	797.733.147.042
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	685.934.904.793	2.149.264.915	688.084.169.708
Lợi nhuận gộp	109.349.501.950	299.475.384	109.648.977.334
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015			
Doanh thu	856.737.540.998	391.295.322	857.128.836.320
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	759.312.492.646	308.648.302	759.621.140.948
Lợi nhuận gộp	97.425.048.352	82.647.020	97.507.695.372

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	906.416.750
Thù lao của Hội đồng quản trị	74.620.000
Tổng cộng	981.036.750

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mong Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Số dư tại ngày 30/06/2015 và các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục 01: Bảng kê than bán nội bộ Tập đoàn;
- Phụ lục 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ lục 03: Tổng hợp mua, bán vật tư hàng hóa nội bộ Tập đoàn;
- Phụ lục 04: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị trong kỳ.

7.2 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Sau ngày kết thúc niên độ, Công ty đã thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ theo thông báo số 1234/CB-TMD ngày 29/07/2015. Theo công bố, do ảnh hưởng của mưa lớn kéo dài trong nhiều ngày, đến 21h30 ngày 28/07/2015 phần lớn mỏ Mong Dương thuộc Công ty Cổ phần than Mong Dương - Vinacomin bị ngập, ngừng mọi hoạt động, cụ thể:

- Khu vực mặt bằng: Cửa lò +50, mặt bằng công nghiệp, khu vực kho than, khu vực tầng 1 nhà điều hành số 1 bị bùn, cát, đá lấp từ 1,0-1,6m
- Khu vực hầm lò từ mức -250 đến mức -97,5 bị ngập toàn bộ
- Khu vực hầm lò mức -97,5 bị ngập cục bộ một số vị trí

Hiện tại Công ty cùng với sự giúp đỡ của các cấp chính quyền, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị bạn trong và ngoài TKV tập trung nhân lực, vật lực sử lý khắc phục một cách đồng bộ, song hành nhằm đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả về công tác thoát nước mỏ và xúc dọn bùn đất mặt bằng, kết quả cụ thể:

- Khu vực mặt bằng: Đã xúc dọn, vệ sinh công nghiệp và đưa vào hoạt động
- Khu vực hầm lò mức -97,5: Dự kiến đưa được khoảng 5-7 gương lò vào hoạt động trước 15/08/2015.
- Khu vực hầm lò đến mức -150: Hoàn thành sửa chữa, khôi phục sớm nhất 30/09/2015.
- Khu vực hầm lò mức -250: Hoàn thành sửa chữa, khôi phục đưa toàn bộ vào hoạt động bình thường dự kiến 30/12/2015.

Ước tính về thiệt hại: Hiện tại, Công ty đang tập trung khắc phục, bơm nước tháo khô đường lò, đưa các hạng mục đã bơm nước tháo khô vào hoạt động. Do các tài sản và chi phí khắc phục chính đang bị ngập nước nên chưa đánh giá được hết toàn bộ chi phí thiệt hại. Các chi phí chính bao gồm:

- Sửa chữa thay thế hệ thống máy móc thiết bị đường lò (Hệ thống điện, thông gió, vận tải, giá chống thủy lực) với nguyên giá tại ngày 30/06/2015 là 221.691.169.761 đồng và giá trị còn lại là 127.123.358.806 đồng.
- Chi phí bơm thoát nước tháo khô và khắc phục các đường lò ngập nước.



THANH XỬ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

- Chi phí lương công nhân, quản lý tham gia vào việc khôi phục sự cố (đối với các công nhân thợ lò đã được các đơn vị trong TKV tạm thời tiếp nhận, bố trí việc làm trong thời gian chờ đưa các diện sản xuất vào hoạt động).
- Các chi phí khác phát sinh trong quá trình khắc phục sự cố.

Bên cạnh đó, theo Biên bản kiểm kê than tồn khi sau sự cố ngập mỏ ngày 08/08/2015, tổng khối lượng than mất mát do sự cố là 7.665 tấn tương đương với tổng giá trị là 9.274.625.231 đồng.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/06/2014 của Công ty đã được trình bày lại theo mẫu của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	31/12/2014 (Đã được trình bày trước đây)	Số liệu tăng, giảm để trình bày lại	01/01/2015 (Được trình bày lại)
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Phải thu dài hạn khác	7.465.762.292	6.845.874.436	14.311.636.728
Tài sản dài hạn khác	6.845.874.436	(6.845.874.436)	-
NỢ PHẢI TRẢ			
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	148.837.708.418	148.837.708.418
Vay và nợ dài hạn	433.585.513.438	(433.585.513.438)	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	289.533.645.827	289.533.645.827

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (Đã được trình bày trước đây)	Số liệu tăng, giảm để trình bày lại	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (Được trình bày lại)
Doanh thu bán hàng và CCDV	812.379.735.527	(14.646.588.485)	797.733.147.042
Doanh thu bán hàng	795.284.406.743	-	795.284.406.743
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.448.740.299	-	2.448.740.299
Doanh thu Xây dựng cơ bản tự làm	14.646.588.485	(14.646.588.485)	-
Giá vốn	702.730.758.193	(14.646.588.485)	688.084.169.708
Giá vốn thành phẩm đã bán	685.934.904.793		685.934.904.793
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.149.264.915		2.149.264.915
Giá vốn Xây dựng cơ bản tự làm	14.646.588.485	(14.646.588.485)	-

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Cẩm Hải



Phạm Thị Hải



KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Tiến Quang

BẢNG KÊ THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

TT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Doanh thu		
			Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VNĐ)
A	B	C	1	2	3
	Doanh thu than				855.958.207.150
1	Công ty tuyển than Cửa Ông - TKV		613.913		662.668.321.434
2	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin		170.288		193.289.885.716
	Tổng cộng		784.202		855.958.207.150

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015



Phạm Cẩm Hải



Phạm Thị Hải



KIỂM GIÁM ĐỌC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Tiến Quang



BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Stt	Tên đơn vị	Các khoản công nợ							
		131		331		336		228	
		Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU								
1	Công ty CP du lịch và thương mại Vinacomin - CN Quảng Ninh	-	-	1.156.100.000	-				
2	Công ty tuyển than Cửa Ông - TKV	91.193.792.451	-	-	-				
3	Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	15.473.176.009	-	-	-				
4	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	118.625.439	-	-	-				
5	Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin	-	-	-	-			-	21.799.000.000
	CỘNG	106.785.593.899	-	1.156.100.000	-	-	-	-	21.799.000.000
B	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ								
1	Công ty Công nghiệp hoá chất mỏ Quảng Ninh			2.589.749.158	-				
2	Công ty CP vật tư TKV			9.845.797.300	-				
3	CN Công ty CP XNK Than - Vinacomin tại QN			365.846.165	-				
4	Công ty Cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI			580.803.888	-				
5	Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin			93.674.114	-				
6	Công ty CP ĐTTM và dịch vụ - Vinacomin			940.240.000	-				
7	Công ty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin			453.527.118	-				
8	Công ty Cổ phần Cơ khí ô tô Uông Bí			567.560.066	-				
9	Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin			532.254.940	-				

Stt	Tên đơn vị	Các khoản công nợ							
		131		331		336		228	
		Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
10	Công ty Cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin			1.628.273.785	-				
11	CN Công ty CP vật tư TKV - Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai			1.744.302.500	-				
12	Công ty CP Du Lịch và TM-Vinacomin -CN Vân Long			177.020.000	-				
13	Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin			1.509.700.645	-				
14	Trung tâm cấp Cứu mổ - Vinacomin			200.244.530	-				
15	Công ty CP Tư vấn ĐT mổ và Công nghiệp - Vinacomin			419.956.475	-				
16	Công ty CP Phát triển Công nghệ và Thiết bị mổ			1.893.142.554	-				
17	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV			647.114.334	-				
18	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin			8.396.856.589	-				
19	Công ty CP Thiết bị điện - Vinacomin			81.452.443	-				
20	Công ty Cổ phần SX và KD Vật tư thiết bị - VVMI			2.689.176.343	-				
21	Trung tâm an toàn mổ			325.019.750	-				
22	Viện cơ khí năng lượng và mổ -Vinacomin			61.590.500	-				
23	CN Công ty CP SX và KD Vật tư TB - VVMI tại Hà Nội			2.160.888.060	-				
24	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI			828.787.844	-				
25	Công ty TNHH MTV Vật tư & Vận tải ITASCO			244.975.705	-				
26	Tạp chí than - Khoáng sản Việt Nam			66.000.000	-				
27	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản và Dịch vụ - ITASCO			114.843.650	-				
28	CN Hà Nội - Công ty CP vật tư TKV			3.392.335.400	-				
29	Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam			507.184.380	-				
30	Công ty CP Sản xuất & Thương mại than Uông Bí			193.150.000	-				



Stt	Tên đơn vị	Các khoản công nợ							
		131		331		336		228	
		Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
31	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam					380.995.317	-		
	CỘNG	-	-	43.251.468.236	-	380.995.317			

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Cẩm Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Hải

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2020



PHÓ GIÁM ĐỐC

Liễn Quang

TỔNG HỢP MUA, BÁN VẬT TƯ HÀNG HOÁ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ	Giá trị bán trong kỳ
A	B	1	2
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	232.276.816
2	XN Chế tạo thiết bị lắp máy và điện - Công ty TNHH MTV	-	3.898.950
3	Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin	-	307.376.800
4	Trường Cao đẳng nghề than - khoáng sản Việt Nam	-	16.318.600
5	Công ty Công nghiệp hoá chất mỏ Quảng Ninh	17.136.409.920	-
6	Công ty CP vật tư - TKV	23.939.893.639	-
7	CN Công ty CP XNK Than - Vinacomin - CN Quảng Ninh	930.287.400	-
8	Công ty Cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	991.788.013	-
9	Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin	465.437.461	-
10	Công ty CP ĐTTM và dịch vụ - Vinacomin	15.273.000.000	-
11	Công ty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	2.618.632.412	-
12	Công ty Cổ phần cơ khí ô tô Ưông Bí	2.208.261.196	-
13	Công ty Cổ phần cơ khí Mạo Khê - Vinacomin	1.596.574.000	-
14	Công ty Cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin	4.123.498.000	-
15	CN Công ty CP vật tư TKV - Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai	4.544.295.000	-
16	Công ty CP Du Lịch và TM - Vinacomin - CN Vân Long	910.500.000	-
17	Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin	4.112.948.764	-
18	Trung tâm Cấp cứu mỏ - Vinacomin	777.282.530	-
19	Công ty CP Phát triển Công nghệ và Thiết bị mỏ	1.600.000.000	-
20	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	2.115.474.736	-
21	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	397.800.000	-
22	Công ty Cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	34.052.319.937	-
23	Công ty CP Thiết bị điện - Vinacomin	152.371.305	-
24	Công ty Cổ phần SX và KD Vật tư thiết bị - VVMI	6.958.232.422	-
25	Công ty tuyển Than Cửa ông - TKV	2.168.760	-
26	Trung tâm an toàn mỏ	399.517.434	-
27	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	165.772.500	-
28	CN Công ty CP SX và KD Vật tư TB - VVMI tại Hà Nội	4.911.200.395	-
29	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng - VVMI	3.170.555.610	-
30	Công ty TNHH MTV Vật tư & Vận tải ITASCO	1.917.360.000	-
31	Tạp chí than - Khoáng sản Việt Nam	60.000.000	-
32	CN Hà Nội - Công ty CP vật tư TKV	4.433.878.000	-



TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ	Giá trị bán trong kỳ
A	B	1	2
33	Công ty than Hòn Gai - TKV	390.840.000	-
34	Trường cao đẳng nghề than - khoáng sản Việt Nam	542.210.280	-
35	Công ty CP sản xuất & thương mại than Uông Bí	266.500.000	-
		-	-
	Tổng cộng	141.165.009.714	559.871.166

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Cẩm Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Hải

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015



KIỂM ĐỌC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Tiến Quang

995-0
NG T
HIỆM H
M TO
VIỆT
NHÀ
HÀ NỘ
QUẢN

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ TẠI ĐƠN VỊ
Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số lượng	Giá mua theo hoá đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao (ngày/tháng/năm)	Thời gian trích khấu hao tài sản (Đơn vị: Năm)	Thời gian khấu hao còn lại tính đến cuối kỳ báo cáo (Đơn vị: Năm)	Sử dụng tài sản cho mục đích (SXKD, quản lý, bán hàng)	Hoá đơn Số hiệu	Ngày tháng
A	B	I	2	3	4	5=3-4	6	7	8	9	10	11
A	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XD CB mua của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn đã tăng tài sản để trích khấu hao tính đến cuối kỳ báo cáo											
	Tổng cộng (I+II+III)		19.403.130.664	19.403.130.664	436.637.348	18.966.493.316						
I	Công ty CP đầu tư xây dựng - WMI		4.162.534.404	4.162.534.404	79.446.219	4.083.088.185						
I.1	Nhà cửa vật kiến trúc		4.162.534.404	4.162.534.404	79.446.219	4.083.088.185						
1	CT trạm quạt gió chính 2K256-No24 mức +16 VM		4.162.534.404	4.162.534.404	79.446.219	4.083.088.185	22/04/2015	10	9,3	SXKD	45641	27/04/2015
I.2	Vật kiến trúc hầm lò											
I.3	Máy móc thiết bị											
I.4	Phương tiện vận tải											
II	Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ- vinacomin		15.240.596.260	15.240.596.260	357.191.129	14.883.405.131						
II.1	Nhà cửa vật kiến trúc		-	-	-	-						
II.2	Vật kiến trúc hầm lò		-	-	-	-						

STT	Nội dung	Số lượng	Giá mua theo hoá đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích khấu hao (ngày/tháng/năm)	Thời gian trích khấu hao tài sản (Đơn vị: Năm)	Thời gian khấu hao còn lại tính đến cuối kỳ báo cáo (Đơn vị: Năm)	Sử dụng tài sản cho mục đích (SXKD, quản lý, bán hàng)	Số hiệu	Ngày tháng
A	B	1	2	3	4	5=3-4	6	7	8	9	10	11
II.3	Máy móc thiết bị		15.240.596.260	15.240.596.260	357.191.129	14.883.405.131						
1	Quạt gió chính hầm lò 2K56No24	1	15.240.596.260	15.240.596.260	357.191.129	14.883.405.131	04/06/2015	10	9,3	SXKD	113956	04/03/2015
II.4	Phương tiện vận tải		-	-	-	-						
B	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XDCB mua của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn nhưng chưa tăng tài sản trích khấu hao (do trong quá trình đầu tư, hoặc nguyên nhân khác)											

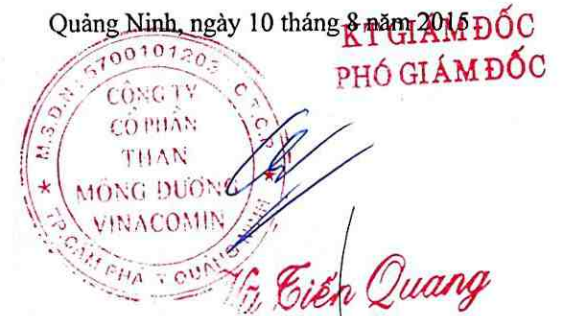
NGƯỜI LẬP BIỂU

Hà Đức Hiểu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thị Hải

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015



KIỂM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC